

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 31/2024/DS – ST

Ngày: 12/8/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Xuân Đạm
- Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 12/8/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2024/TLST- DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959

Ông Đinh Khắc Th, sinh năm 1955

Cùng nơi cư trú: Số 21, Đường Hùng Vương, khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh. (Ông Th và bà T đều có mặt tại phiên tòa).

-Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1971

Bà Quách Thị Như Th, sinh năm 1971

Cùng nơi cư trú: Số 59, Đường Nguyễn Du, khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh. (Ông M và bà Th đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/7/2024, bản tự khai và tại phiên tòa bà T và ông Th trình bày:

Vào ngày 26/5/2016 vợ chồng bà T ông Th có cho bà Quách Thị Như Th vay số

tiền là 50.000.000 đồng. Khi vay có làm giấy vay tiền bà Thký tên còn ông M là chồng bà Thký tên là người bảo lãnh. Khi vay thì trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng miệng mức lãi suất là 4%/ tháng. Thời hạn vay là khi nào có yêu cầu trả gốc thì vợ chồng ông Mbà Thphải trả số tiền này. Số tiền lãi ông M đã trả cho vợ chồng bà T đến ngày 26 tháng 4 năm 2018 là 18.000.000 đồng.

Đến ngày 12/11/2019 ông M lại tiếp tục vay của vợ chồng tôi số tiền 15.000.000 đồng. Khi vay thì trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng miệng mức lãi suất là 4%/ tháng. Thời hạn vay là khi nào có yêu cầu trả gốc thì vợ chồng ông Mbà Thphải trả số tiền này. Khoản tiền vay này vợ chồng ông Mbà Thchưa trả cho bà T và ông Thtiền nợ gốc và tiền lãi.

Nay ông Thvà bà T yêu cầu vợ chồng ông M và bà Thphải trả cho vợ chồng ông Thvà bà T tổng số tiền nợ gốc là: 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu) đồng.

- Buộc vợ chồng ông M và bà Thphải trả cho vợ chồng ông Thvà bà T số tiền lãi gồm các khoản lãi sau:

+ Lãi của khoản nợ 50.000.000 đồng: Lãi suất 20%/năm (1,6%/ tháng) từ ngày 26 tháng 4 năm 2018 đến tháng 4/2024 và tiếp tục trả lãi cho đến ngày xét xử.

+ Lãi của khoản nợ 15.000.000 đồng: Lãi suất 20%/năm (1,6%/ tháng) từ ngày 12 tháng 11 năm 2019 đến tháng 4/2024 và tiếp tục phải trả lãi cho đến ngày xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh M trình bày:

Từ năm 2015 vợ ông M là bà Thcó chơi hụi với bà T, bà T là chủ hụi. Việc chơi hụi giữa vợ của ông M và bà T như thế nào thì ông M không biết. Đến ngày 26/5/2016 bà T gọi ông M và bà Thxuống nhà bà T, bà T thông báo cho vợ chồng ông M biết là việc chơi hụi của bà Thvới bà T thì bà Thcòn thiếu bà T cả gốc và lãi là 50.000.000 đồng. Ông M và vợ đồng ý chuyển số tiền 50.000.000 đồng này thành tiền nợ, sẽ đóng lãi hằng tháng cho vợ chồng bà T với mức lãi suất 4%/ tháng. Hai bên không thỏa thuận về thời hạn phải trả nợ, khi nào bà T thông báo đòi nợ thì vợ chồng ông M phải trả. Trong ngày hôm đó vợ chồng ông M có viết giấy mượn tiền với số tiền 50.000.000 đồng, bà Thký tên và ông M ký tên với tư cách là người bảo lãnh. Ông M đóng lãi cho bà T hằng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đóng từ tháng 6/2016 cho đến đầu năm 2019 thì vợ chồng ông M không có khả năng đóng lãi nữa. Số tiền gốc 50.000.000 đồng thì vợ chồng ông M chưa trả.

Ngoài ra ông M có ký vào giấy mượn tiền với nội dung có vay của vợ chồng bà T số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 12/11/2019. Nhưng đây thực chất là tiền lãi của khoản tiền 50.000.000 đồng mà ông M chưa trả lãi được từ đầu năm 2019. Đến ngày 12/11/2019 bà T yêu cầu ông M phải viết giấy nợ đối với số tiền lãi này và ông M phải trả lãi 4%/ tháng, hai bên không thỏa thuận về thời hạn phải trả nợ, khi nào bà T thông báo đòi nợ thì vợ chồng ông M phải trả. Mỗi tháng phải trả lãi 600.000 đồng. Vợ chồng ông M bắt đầu trả lãi của 02 khoản vay này từ tháng 12/2019 đến tháng 01/2024 mỗi tháng trả 2.600.000 đồng, còn số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng vẫn chưa

trả cho bà T. Từ tháng 01/2024 đến nay thì vợ chồng ông Mkhông trả được lãi của 02 khoản vay này nữa,

Tại Tòa án hôm nay ông Mxin ông Thvà bà T số tiền lãi còn số tiền gốc 65.000.000 đồng thì vợ chồng ông Mxin trả dần hằng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Quách Thị Như Th trình bày:

Năm 2014 bà Thcó chơi hụi tháng với bà T. Dây hụi 20 tháng, bà T là chủ hụi. Bà Thlà người hốt hụi đầu tiên được số tiền 65.000.000 đồng sau đó cứ mỗi tháng phải đóng hụi chết số tiền là 5.000.000 đồng. Bà Thđóng hụi chết được khoảng 12 tháng thì không có khả năng đóng nữa. Việc chơi hụi giữa bà Thvà bà T thì không có ghi giấy mà chỉ thỏa thuận bằng miệng. Đến ngày 26/5/2016 bà T gọi chồng bà Thlà ông Mvà bà Thxuống nhà bà T, bà T thông báo cho vợ chồng tôi biết là việc chơi hụi của bà Thvới bà T thì bà Thcòn thiếu bà T cả gốc và lãi là 50.000.000 đồng. Vợ chồng bà Thđồng ý chuyển số tiền 50.000.000 đồng này thành tiền nợ, sẽ đóng lãi hằng tháng cho vợ chồng bà T với mức lãi suất 4%/ tháng. Hai bên không thỏa thuận về thời hạn phải trả nợ, khi nào bà T thông báo đòi nợ thì vợ chồng bà Thphải trả. Trong ngày hôm đó vợ chồng bà Thcó viết giấy mượn tiền với số tiền 50.000.000 đồng, bà Thcó ký tên và ghi họ tên là Quách Như Thvà ông Mký tên với tư cách là người bảo lãnh. Ông Mđóng lãi cho bà T hằng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Đóng từ tháng 6/2016 cho đến đầu năm 2019 thì không có khả năng đóng lãi nữa. Số tiền gốc 50.000.000 đồng thì vợ chồng bà Thchưa trả. Khi trả lãi thì bà T và ông Thkhông viết giấy cho ông Minh, vợ chồng bà Thkhông có chứng cứ gì chứng minh cho việc đã đóng lãi cho bà T.

Ngoài ra ông Mcó ký vào giấy mượn tiền với nội dung có vay của vợ chồng bà T số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 12/11/2019. Nhưng đây thực chất là tiền lãi của khoản tiền 50.000.000 đồng mà vợ chồng bà Thchưa trả lãi được từ đầu năm 2019. Đến ngày 12/11/2019 bà T yêu cầu phải viết giấy nợ đối với số tiền lãi này và vợ chồng bà Thphải trả lãi 4%/ tháng, hai bên không thỏa thuận về thời hạn phải trả nợ, khi nào bà T thông báo đòi nợ thì phải trả. Mỗi tháng vợ chồng bà Thphải trả lãi 600.000 đồng. Thời gian bắt đầu trả lãi của 02 khoản vay này từ tháng 12/2019 đến tháng 01/2024 mỗi tháng trả 2.600.000 đồng, còn số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng chưa trả cho bà T. Từ tháng 01/2024 đến nay thì vợ chồng bà Thkhông trả được lãi của 02 khoản vay này nữa.

Tại Tòa án hôm nay bà Thxin ông Thvà bà T số tiền lãi, còn số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng thì vợ chồng bà Thxin trả dần hằng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn xét xử chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát,

thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông M và bà Th phải liên đới trả lại cho ông Th và bà T số tiền nợ gốc 65.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Đinh Khắc Th và bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh M và bà Quách Thị Như Th về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh M và bà Quách Thị Như Th phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Th và bà T số tiền đã vay là 65.000.000đ nợ gốc và tiền lãi. Xét thấy ông M và bà Th có nơi thường trú tại thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Nên Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Khắc Th và bà Nguyễn Thị T:

- Buộc vợ chồng ông M và bà Th phải trả cho vợ chồng ông Th và bà T tổng số tiền nợ gốc là: 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu) đồng.

- Buộc vợ chồng ông M và bà Th phải trả cho vợ chồng ông Th và bà T số tiền lãi gồm các khoản lãi sau:

+ Lãi của khoản nợ 50.000.000 đồng: Lãi suất 20%/năm (1,6%/ tháng) từ ngày 26 tháng 4 năm 2018 đến tháng 4/2024 và tiếp tục trả lãi cho đến ngày xét xử.

+ Lãi của khoản nợ 15.000.000 đồng: Lãi suất 20%/năm (1,6%/ tháng) từ năm ngày 12 tháng 11 năm 2019 đến tháng 4/2024 và tiếp tục phải trả lãi cho đến ngày xét xử.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận 02 giấy vay tiền ngày 26/5/2016 và ngày 12/11/2019 do ông Nguyễn Thanh M và bà Quách Thị Như Th ký tên. Trong giấy vay tiền không thể hiện bên vay phải chịu lãi nhưng hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ông M và bà Th phải trả lãi với mức lãi suất 4%/tháng.

Về thời hạn trả tiền: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận không thỏa thuận thời gian cụ thể ông M và bà Th phải có nghĩa vụ trả cho ông Th và bà T hai khoản tiền này,

tuy nhiên khi nào ông Thbà T thông báo đòi nợ thì ông Mbà Thphải trả 02 khoản tiền này. Vợ chồng bà T, ông Thđã gửi thông báo đòi nợ ông Mbà Thvào tháng 5/2024 nhưng vợ chồng ông Mbà Thvẫn chưa trả nên ông Thvà bà T làm đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa vợ chồng ông Thbà T vẫn khẳng định ngày 26/5/2016 có cho vợ chồng bà Thông Mvay 50.000.000 đồng và đến ngày 12/11/2019 tiếp tục cho ông Mvay thêm 15.000.000 đồng. Việc bà Thvà ông Mcho rằng số tiền 50.000.000 đồng ghi trong giấy mượn tiền ngày 26/5/2016 là tiền bà Thchơi hụi vào năm 2014, đến ngày 26/5/2016 mới chốt lại cả tiền hụi bà Thchưa đóng và tiền lãi và số tiền 15.000.000 đồng ghi trong giấy mượn tiền ngày 12/11/2019 là tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng mà vợ chồng ông Mbà Thnhận nợ ngày 26/5/2016. Tuy nhiên vợ chồng bà Thông Mkhông đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Việc ông Thbà T cho rằng vợ chồng ông Mbà Thcó vay của vợ chồng ông Thbà T tổng 02 lần vay vào ngày 26/5/2016 là 50.000.000 đồng và vào ngày 12/11/2019 ông Mvay 15.000.000 đồng. Vợ chồng ông Thbà T giao nộp cho Tòa án 02 giấy mượn tiền có chữ ký của ông Mvà bà Thnên có cơ sở khẳng định vào ngày 26/5/2016 vợ chồng ông Mbà Thđã vay của ông Thbà T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là khi nào ông Thbà T yêu cầu trả nợ thì vợ chồng ông Mphải có nghĩa vụ trả nợ số tiền này và ngày 12/11/2019 ông Mtiếp tục vay của bà T ông Th15.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là khi nào ông Thbà T yêu cầu trả nợ thì vợ chồng ông Mphải có nghĩa vụ trả nợ số tiền này. Nên cần buộc ông Mvà bà Thphải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Thvà bà T số tiền nợ của 02 khoản vay vào ngày 26/5/2016 và 12/11/2019 tổng số tiền là: 65.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Khi vay tiền hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận về lãi suất nhưng không ghi trong 02 giấy mượn tiền mà thỏa thuận miệng với nhau. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 4%/ tháng. Đây là mức lãi suất vượt quá quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm tương đương 1.66%/tháng. Ông Mvà bà Thkhai nhận đã trả tiền lãi cho ông Thbà T đối với khoản nợ 50.000.000 đồng từ tháng 6/2016 cho đến đầu năm 2019 thì không có khả năng đóng lãi nữa. Thời gian bắt đầu trả lãi của 02 khoản vay này từ tháng 12/2019 đến tháng 01/2024 mỗi tháng trả 2.600.000 đồng, khi trả lãi cho ông Thbà T thì ông Thbà T không viết giấy cho ông Mđồng thời ông Thvà bà T cũng không thừa nhận việc ông Mđã trả lãi như lời trình bày của ông Mvà Thủy. Ông Thvà bà T chỉ thừa nhận ông Mđã đóng lãi cho vợ chồng ông Thbà T cho khoản vay 50.000.000 từ lúc vay đến ngày 26 tháng 4 năm 2018 là 23 tháng trả lãi nhiều lần tổng cộng là: 18.000.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét lời khai của ông Mvà bà Thủy. Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa vợ chồng ông Thbà T yêu cầu vợ chồng ông Mbà Thphải trả tiền lãi của hai khoản vay gồm:

+ Lãi của khoản nợ 50.000.000 đồng: Lãi suất 20%/năm (1,6%/ tháng) từ ngày 26 tháng 4 năm 2018 đến ngày 12 tháng 8 năm 2024 số tiền lãi là: 75 tháng 16 ngày x 1,6% /tháng x 50.000.000 đồng = 62.692.000 đồng.

+ Lãi của khoản nợ 15.000.000 đồng: Lãi suất 20%/năm (1,6%/ tháng) từ ngày 12 tháng 11 năm 2019 đến ngày 12 tháng 8 năm 2024 số tiền lãi là: 57 tháng x 1,6%/ tháng x 15.000.000 đồng = 14.193.000 đồng.

+ Tổng tiền lãi của hai khoản nợ là: 76.885.000 đồng là có cơ sở và đúng theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với số tiền 18.000.000 vợ chồng ông Mbà Thtra lãi trong thời gian từ 26/5/2016 đến 26/4/2018 có thời gian là 23 tháng với số tiền này không vượt quá mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. và khoản 4 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn không phải chi tiền án phí dân sự sơ thẩm, ngoài ra ông Thv và bà T là người già và có đơn xin miễn đóng tạm ứng án phí và án phí nên ông Thv và bà T không phải đóng tiền tạm ứng án phí.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Thanh M và bà Quách Thị Như Th phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 7.094.000 đồng

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Đình

Khắc Thành.

Buộc ông Nguyễn Thanh M và bà Quách Thị Như Th phải liên đới trả cho ông Đinh Khắc Th và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là: 65.000.000 đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) và Tổng số tiền lãi là: 76.885.000 đồng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Thanh M và bà Quách Thị Như Th phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 7.094.000 đồng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Đinh Khắc Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS Nhân dân huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quốc Tú

